

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN HẢI  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 10 - 6 -2020  
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Ngoãn và ông Trần Văn Hiếu.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình  
tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/4/2020 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Hương N**, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Phố x, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là tổ dân phố Tr, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Phạm Thị Hương N trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Phạm Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong việc làm ăn kinh tế nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Ninh Bình sinh sống từ năm 2018 đến nay, nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể quay về chung sống cùng anh T được nữa, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

**Về quan hệ con chung:** Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 29/11/2010 và Phạm Anh K, sinh ngày 13/12/2017. Hiện cả 02 con đang ở cùng chị, các con sinh hoạt và học tập ổn định. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

**Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Chị và anh T không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Về phía bị đơn: Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Phạm Văn T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh và lấy lời khai của bố đẻ anh T là ông Phạm Hữu T, sinh năm 1955, trú tại thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là tổ dân phố Tr, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 4 năm 2020, ông T trình bày: Anh T và chị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn anh T và chị N về chung sống cùng vợ chồng ông, cuộc sống chung của anh chị ấy hòa thuận, hạnh phúc được khoảng tám năm, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Từ năm 2018 đến nay chị N đã đưa cả hai con chung về quê đẻ ở tỉnh Ninh Bình sinh sống không còn chung sống cùng anh T nữa. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T và xin được nuôi hai con chung, quan điểm của ông không can thiệp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện nay anh T đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà, tuy nhiên anh ấy làm gì và ở địa chỉ cụ thể nào thì ông không biết vì mặc dù anh T vẫn thường xuyên liên lạc với ông bằng điện thoại và thi thoảng có về nhà nhưng anh T không nói cho ông biết là đang làm gì, ở đâu.

Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 5 năm 2020 UBND thị trấn T (trước đây gồm UBND xã T, UBND xã T và UBND thị trấn T), huyện T cung cấp như sau:

Hiện nay anh Phạm Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là tổ dân phố Tr, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình). Hiện tại anh T không có mặt ở địa phương nhưng thi thoảng vẫn về thăm nhà.

Anh T và chị N có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 29 tháng 01 năm 2010. Quá trình chung sống anh T và chị N có 02 con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 29/11/2010 và Phạm Anh K, sinh ngày 13/12/2017. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là chị N đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Phạm Văn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Phạm Thị Hương N được ly hôn anh Phạm Văn T. Giao cho chị Phạm Thị Hương N trực tiếp nuôi 02 con chung Phạm Ngọc D, sinh ngày 29/11/2010 và Phạm Anh K, sinh ngày 13/12/2017, chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không trình bày quan điểm nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Phạm Thị Hương N khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị N là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hương N và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào năm 2010 xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị N anh T mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Từ năm 2018 đến nay chị N và anh T chính thức sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét thấy, hiện tại các con chung của chị N và anh T là Phạm Ngọc D, sinh ngày 29/11/2010 và Phạm Anh K, sinh ngày 13/12/2017 đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không có mặt ở nhà. Ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con chung, con D có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2020. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị N và cháu D: Giao cho chị N trực tiếp nuôi cả hai con chung là phù hợp với quy định Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không trình bày quan điểm nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Hương N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Hương N được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Hương N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 29/11/2010 và Phạm Anh K, sinh ngày 13/12/2017. Chị N không yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Hương N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009511 ngày 23/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị Hương N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/6/2020, anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T Hải;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T Hải;
- UBND thị trấn T Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhi**